

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống theo triều, mực nước cao nhất ngày 12/8 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 15-55cm. Mực nước thấp nhất ngày 12/08 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 30-55cm và thấp hơn TBNN từ 20-40cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống theo triều. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 12/08 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 12/08 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 20-50cm và xấp xỉ TBNN.

- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn ít biến đổi. Mực nước cao nhất và thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-15cm và cao hơn TBNN từ 5-10cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước xuống theo xu thế triều biển Đông trong những ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm, riêng trên kênh Vĩnh Tế tại trạm Xuân Tô, mực nước tiếp tục lên chậm.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống theo xu thế triều biển Tây đến ngày 14/08, sau lên lại theo triều đến ngày 20/08.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 14/08/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 12/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			13/8	14/8	15/8	16/8	17/8	13/8	14/8	15/8	16/8	17/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	213	54	-41	262	56	-18	259	256	254	252	250	210	207	205	203	201
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	130	30	1	228	51	40	227	225	223	220	216	129	127	124	121	117
Hậu	Khánh An	420	470	520	353	55	27	361	55	28	358	355	353	351	349	350	347	345	343	341
	Châu Đốc	300	350	400	178	31	-19	246	41	17	243	240	238	236	234	175	172	170	168	166
	Long Xuyên	190	220	250	94	16	23	220	46	52	219	217	215	212	208	93	91	88	85	81
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	140	32	-8	228	37	28	227	225	223	220	216	139	137	134	131	127
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	160	58	58	168	63	-2	169	170	172	174	176	161	162	164	166	168
	Vinh Gia	200	240	280	67	22	-2	71	20	-3	73	74	75	74	73	69	70	71	70	69
	Vinh Điều	170	200	230	62	21	-1	67	12	-6	69	70	71	70	69	64	65	66	65	64
T3	Vinh Phú	150	180	210	58	10	-1	64	9	-2	66	67	68	67	66	60	61	62	61	60
T5	Nông Trường	160	190	220	65	12	1	71	11	0	73	74	75	74	73	67	68	69	68	67
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	108	32	0	112	25	-2	114	115	116	115	114	110	111	112	111	110
	Cô Tô	140	180	220	106	27	23	110	22	23	112	113	114	113	112	108	109	110	109	108
	Nam Thái Sơn	90	120	150	69	14	-	73	9	-	75	76	77	76	75	71	72	73	72	71
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	68	22	-5	70	18	-7	72	73	74	73	72	70	71	72	71	70
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	118	25	27	128	24	32	130	131	132	131	130	120	121	122	121	120
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	154	38	21	179	36	33	181	182	183	182	181	156	157	158	157	156
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	92	15	-9	111	16	3	113	114	115	114	113	94	95	96	95	94
	Tân Thành	120	150	180	87	26	17	93	16	11	95	96	97	96	95	89	90	91	90	89
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	69	22	20	72	11	12	74	75	76	75	74	71	72	73	72	71
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	0	7	12	47	8	5	47	48	50	53	56	1	2	4	6	8
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-22	-7	1	65	-14	12	56	58	62	67	73	-20	-22	-24	-26	-28

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





